

Số: 05/2022/QĐST-DS

Ia Grai, ngày 15 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 274/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tấn Đ – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện I; địa chỉ: 290 H, thị trấn I, huyện I, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ.

Ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T thừa nhận, tính đến ngày hòa giải (07/4/2022), ông S và bà T còn nợ Ngân hàng N số tiền là gốc là 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày 07/4/2022, gồm: Nợ lãi trong hạn là 115.665.753 đồng (*một trăm mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng*), nợ lãi quá hạn là 82.025.343 đồng (*tám mươi hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng*), lãi chậm trả là 19.261.241 đồng (*mười chín triệu hai trăm sáu mươi một ngàn hai trăm bốn mươi một đồng*).

2. 2. Về phương thức và thời hạn trả nợ:

Ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T cam kết trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền là 566.952.337 đồng (*Năm trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi hai nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng*). Thời hạn trả chậm nhất đến hết ngày 07/6/2022.

Ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày hòa giải (07/4/2022) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 120516/HĐTC ngày 06/5/2016.

Tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất của thửa đất số 17 thuộc tờ bản đồ số 23 tại xã I, huyện I, tỉnh G do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số N 798065, số vào sổ cấp giấy 00626/QSDĐ/267/1998 ngày 19/8/2018 cho ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T.

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Văn S và bà Vũ Thị T đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với số tiền là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) nên ông S, bà T phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn S, và bà Vũ Thị T đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 13.339.047 đồng (*mười ba triệu ba trăm ba mươi chín ngàn không trăm bốn mươi bảy đồng*). Trả lại cho Ngân hàng N số tiền đã tạm ứng án phí trước đây là 16.236.858 đồng (*mười sáu triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi tám đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008411 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Vũ